

Số: 2802/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 07 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành giá dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;
Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 68/TTr-SGTVT ngày 19/7/2024 và số 3466/SGTVT-KHTC ngày 12/7/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về mức giá dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng (bao gồm cả các cơ quan, đơn vị, cơ sở công cộng như: trường học, bệnh viện, chợ... có kết hợp dịch vụ trông giữ xe).

Điều 2. Đối tượng áp dụng giá dịch vụ

Các tổ chức, cá nhân cung ứng và sử dụng dịch vụ trông giữ xe bao gồm: xe đạp (kể cả xe đạp điện), xe máy (kể cả xe máy điện), xe ô tô.

Điều 3. Các trường hợp miễn giá dịch vụ

Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn, Ủy ban nhân dân các cấp, các sở, ban, ngành trên địa bàn thành phố Hải Phòng có trách nhiệm bố trí khu vực để phương tiện giao thông của cán bộ, công chức, viên chức và của người đến giao dịch, làm việc; không thu tiền gửi phương tiện giao thông của người đến giao dịch, làm việc theo quy định tại Quyết định số 129/2007/QĐ-TTg ngày 02/08/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế văn hóa công sở tại các cơ quan hành chính nhà nước.

Điều 4. Mức giá dịch vụ trông giữ xe

Thực hiện theo mức giá tại Phụ lục kèm theo Quyết định này. *M*

Điều 5. Đơn vị tổ chức thu giá dịch vụ

1. Các tổ chức, cá nhân được phép cung ứng dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

2. Các đơn vị, tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ trông giữ xe phải niêm yết công khai mức giá, phương thức thu (khuyến khích thanh toán không dùng tiền mặt), số điện thoại đường dây nóng tiếp nhận phản ánh; thực hiện thu theo giá niêm yết.

Điều 6. Quản lý, sử dụng số tiền thu được

Số tiền trông giữ xe là doanh thu của các tổ chức, cá nhân. Các tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ tài chính với nhà nước theo quy định.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 8. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Tài chính, Giao thông vận tải; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Hải Phòng; Cục trưởng Cục thuế thành phố Hải Phòng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ Tài chính; Bộ GTVT;
- TT Thành ủy, TT HĐND TP;
- Đoàn ĐBQH Hải Phòng;
- CT, PCT UBND thành phố;
- Như Điều 8;
- Báo HP, Công báo TP, Đài PTTH HP;
Cổng thông tin điện tử Thành phố;
- CVP, PCVP UBND TP;
- Các phòng: TCNS, XDGTCT, NCKTGS;
- Lưu: VT, TC3.

**TM: ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tùng

PHỤ LỤC
GIÁ DỊCH VỤ TRÔNG GIỮ XE ĐƯỢC ĐẦU TƯ BẰNG NGUỒN VỐN
NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số **2802/QĐ-UBND** ngày **07 / 8 /2024** của
Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

I. GIÁ DỊCH VỤ TRÔNG GIỮ XE ĐẠP (KỂ CẢ XE ĐẠP ĐIỆN), XE MÁY (KỂ CẢ XE MÁY ĐIỆN)

- Các mức thu quy định đã bao gồm gửi mũ bảo hiểm (nếu có).
- Một lượt xe: là một lần xe vào, xe ra điểm trông giữ xe.
- Thời gian ban ngày: từ 6 giờ đến 18 giờ, thời gian ban đêm: từ sau 18 giờ đến trước 6 giờ ngày hôm sau.

1. Tại địa bàn các quận (trừ các trường hợp trông giữ xe tại các tòa nhà chung cư, trung tâm thương mại); các điểm danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa (không phân biệt theo địa bàn):

Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu
1. Giá dịch vụ trông giữ xe đạp (kể cả xe đạp điện)		
- Ban ngày	đồng/xe/lượt	3.000
- Ban đêm	đồng/xe/lượt	4.000
- Cả ngày và đêm	đồng/xe/lượt	5.000
- Theo tháng	đồng/xe/tháng	60.000
2. Giá dịch vụ trông giữ xe máy (xe máy điện)		
- Ban ngày	đồng/xe/lượt	5.000
- Ban đêm	đồng/xe/lượt	6.000
- Cả ngày và đêm	đồng/xe/lượt	8.000
- Theo tháng	đồng/xe/tháng	80.000

2. Tại địa bàn các huyện (trừ trường hợp trông giữ xe tại các điểm danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa, các tòa nhà chung cư, trung tâm thương mại); các chợ, trường học, bệnh viện (không phân biệt theo địa bàn):

Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu
1. Giá dịch vụ trông giữ xe đạp (kể cả xe đạp điện)		
- Ban ngày	đồng/xe/lượt	2.000
- Ban đêm	đồng/xe/lượt	3.000
- Cả ngày và đêm	đồng/xe/lượt	4.000
- Theo tháng	đồng/xe/tháng	40.000

2. Giá dịch vụ trông giữ xe máy (kể cả xe máy điện)		
- Ban ngày	<i>đồng/xe/lượt</i>	4.000
- Ban đêm	<i>đồng/xe/lượt</i>	5.000
- Cả ngày và đêm	<i>đồng/xe/lượt</i>	6.000
- Theo tháng	<i>đồng/xe/tháng</i>	60.000

3. Tại các tòa nhà chung cư, trung tâm thương mại (không phân biệt theo địa bàn):

a) Các tòa nhà chung cư, trung tâm thương mại được đầu tư hiện đại (trang bị hệ thống giám sát: Camera theo dõi, kiểm tra phương tiện, người gửi; ra vào quét thẻ theo dõi giờ vào, giờ ra và tính tiền, in hóa đơn tự động):

Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu
1. Giá dịch vụ trông giữ xe đạp (kể cả xe đạp điện)		
- Ban ngày	<i>đồng/xe/lượt</i>	3.000
- Ban đêm	<i>đồng/xe/lượt</i>	4.000
- Cả ngày và đêm	<i>đồng/xe/lượt</i>	5.000
- Theo tháng	<i>đồng/xe/tháng</i>	60.000
2. Giá dịch vụ trông giữ xe máy (kể cả xe máy điện)		
- Ban ngày	<i>đồng/xe/lượt</i>	5.000
- Ban đêm	<i>đồng/xe/lượt</i>	6.000
- Cả ngày và đêm	<i>đồng/xe/lượt</i>	10.000
- Theo tháng	<i>đồng/xe/tháng</i>	100.000

b) Các tòa nhà chung cư, trung tâm thương mại khác:

Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu
1. Giá dịch vụ trông giữ xe đạp (kể cả xe đạp điện)		
- Ban ngày	<i>đồng/xe/lượt</i>	2.000
- Ban đêm	<i>đồng/xe/lượt</i>	3.000
- Cả ngày và đêm	<i>đồng/xe/lượt</i>	4.000
- Theo tháng	<i>đồng/xe/tháng</i>	50.000
2. Giá dịch vụ trông giữ xe máy (kể cả xe máy điện)		
- Ban ngày	<i>đồng/xe/lượt</i>	4.000
- Ban đêm	<i>đồng/xe/lượt</i>	5.000

- Cả ngày và đêm	đồng/xe/lượt	6.000
- Theo tháng	đồng/xe/tháng	70.000

II. GIÁ DỊCH VỤ TRÔNG GIỮ XE Ô TÔ

1. Giá dịch vụ trông giữ xe ô tô theo từng lượt:

Nội dung thu	Mức thu (đồng/xe/lượt)		
	Tại khu vực các tuyến đường phố chính thuộc dải trung tâm thành phố: Trần Phú, Nguyễn Đức Cảnh, Quang Trung, Trần Hưng Đạo	Tại khu vực các tuyến phố khác thuộc địa bàn các quận	Tại địa bàn các huyện
Xe đến 9 ghế ngồi và xe tải từ 2 tấn trở xuống	30.000	25.000	20.000
Xe đến 9 ghế ngồi trong các tòa nhà chung cư, trung tâm thương mại	35.000	30.000	25.000
Xe từ 10 ghế ngồi trở lên và xe tải trên 2 tấn	40.000	30.000	20.000

* Ghi chú: Một lượt xe tối đa không quá 120 phút, quá thời gian 120 phút thu thêm các lượt tiếp theo. Trường hợp gửi xe qua đêm (Từ sau 18 giờ đến trước 6 giờ sáng hôm sau) tính bằng 3 lượt.

2. Giá dịch vụ trông giữ xe ô tô hợp đồng theo tháng

2.1. Đối với loại xe tính theo ghế ngồi (xe con, xe du lịch, xe khách)

a) Tại khu vực các tuyến đường phố chính thuộc dải trung tâm thành phố: Trần Phú, Nguyễn Đức Cảnh, Quang Trung, Trần Hưng Đạo:

Thời gian trông giữ	Mức thu (đồng/xe/tháng)	
	Xe đến 9 chỗ ngồi	Xe từ 10 chỗ ngồi trở lên
- Ban ngày	1.500.000	2.000.000
- Ban đêm	1.000.000	1.500.000
- Ngày và đêm	2.000.000	3.000.000

b) Tại khu vực các tuyến đường khác còn lại thuộc địa bàn các quận:

Thời gian trông giữ	Mức thu (đồng/xe/tháng)			
	Xe đến 9 ghế ngồi	Xe từ 10 ghế đến 24 ghế ngồi	Xe từ 25 ghế đến 40 ghế ngồi	Xe trên 45 ghế ngồi

- Ban ngày	800.000	900.000	1.000.000	1.100.000
- Ban đêm	600.000	700.000	800.000	900.000
- Ngày và đêm	1.200.000	1.300.000	1.400.000	1.500.000

c) Tại địa bàn các huyện:

Thời gian trông giữ	Mức thu (đồng/xe/tháng)			
	Xe đến 9 ghế ngồi	Xe từ 10 ghế đến 24 ghế ngồi	Xe từ 25 ghế đến 40 ghế ngồi	Xe trên 45 ghế ngồi
- Ban ngày	300.000	400.000	500.000	600.000
- Ban đêm	400.000	500.000	600.000	700.000
- Ngày và đêm	500.000	600.000	700.000	800.000

d) Tại các tòa nhà chung cư, trung tâm thương mại (không phân biệt địa bàn):

Thời gian trông giữ	Mức thu (đồng/xe/tháng)	
	Trong các tòa nhà chung cư, trung tâm thương mại đầu tư hiện đại (trang bị hệ thống giám sát, trông giữ xe thông minh: Camera theo dõi, kiểm tra phương tiện, người gửi; quản lý điểm đỗ, ra vào quét thẻ theo dõi giờ vào, giờ ra và tính tiền, in hóa đơn tự động, bảo hiểm gửi xe).	Trong các nhà chung cư, trung tâm thương mại khác.
- Ban ngày	1.400.000	800.000
- Ban đêm	1.600.000	1.200.000
- Ngày và đêm	2.600.000	1.600.000

2.2. Đối với loại xe tính theo tải trọng (xe tải)

a) Khu vực các quận:

Thời gian trông giữ	Mức thu (đồng/tháng)		
	Xe đến 2 tấn	Xe trên 2 tấn đến 7 tấn	Xe trên 7 tấn
- Ban ngày	400.000	500.000	700.000
- Ban đêm	500.000	600.000	800.000
- Ngày và đêm	600.000	700.000	900.000

b) Khu vực các huyện:

Thời gian trông giữ	Mức thu (đồng/tháng)		
	Xe đến 2 tấn	Xe trên 2 tấn đến 7 tấn	Xe trên 7 tấn
- Ban ngày	300.000	400.000	550.000

- Ban đêm	400.000	500.000	650.000
- Ngày và đêm	500.000	600.000	750.000

3. Đối với các điểm trông giữ có mái che: Mức thu giá dịch vụ được tính bằng 130% mức thu quy định ở trên (Giá vé lấy chẵn đến 1.000 đồng).

